

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2020.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 430/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con*”. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Thị N**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: tổ 12, khóm M T, thị trấn M T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Trần Thanh B**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: tổ 12, khóm M T, thị trấn M T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh B chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 26/5/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Chị đã nhiều lần nói chuyện và tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện nay,

chị và anh B đã ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thành T, sinh ngày 09/9/2003 và Trần Đăng K, sinh ngày 17/3/2017, các con chung đang sống với anh B. Khi ly hôn, chị N đồng ý để các con chung nêu trên cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Trần Thanh B đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (photo);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và giấy khai sinh (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh B, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con*”. Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại thị trấn M T, huyện Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Thanh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị N và anh B chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/5/2017 nên hôn nhân giữa chị N và anh B là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, chị N đã nhiều lần nói chuyện và tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện nay, chị và anh B đã ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, trong thời gian ly thân, không ai có

thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn tới hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh B là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thành T, sinh ngày 09/9/2003 và Trần Đăng K, sinh ngày 17/3/2017, các con chung đang sống với anh B. Khi ly hôn, chị N đồng ý để các con chung Trần Thành T và Trần Đăng K cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi các con chung.

Xét thấy, các con chung Trần Thành T và Trần Đăng K đang sống với anh B, để đảm bảo cuộc sống, học tập ổn định cũng như việc phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho cháu T và cháu K nên cần để cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu. Đồng thời, tại bản tự khai của cháu T cũng xác định khi cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống chung với anh B. Do đó, việc anh B được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là phù hợp. Chị N không cấp dưỡng nuôi các con chung và anh B cũng không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì về cấp dưỡng.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0004007 ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần Thanh B.

- Về con chung: Anh B được nuôi dưỡng các con chung Trần Thành T, sinh ngày 09/9/2003 và Trần Đăng K, sinh ngày 17/3/2017, chị N không phải cấp dưỡng nuôi các con chung, do anh B không có yêu cầu.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0004007 ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND TT. M T, HCL, ĐT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang